

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HS-ST
Ngày: 25-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: **Hoàng Văn Tiến**
- Bà: **Mùa Thị Ly**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 86/2023/TLST-HS, ngày 28 tháng 6 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HS, ngày 13/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lù Văn M**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1979, nơi sinh: huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản PN, xã ML, huyện MA tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 12/12; Bố đẻ: Lù Văn B, sinh năm 1955 và mẹ đẻ Lò Thị M, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 11 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lù Thị P, sinh năm 1983 và có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; Chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/5/2023 cho đến ngày xét xử. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Triệu Thị H – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

*** Nguyên đơn dân sự:** Cộng đồng dân cư bản PN, xã ML, huyện MA tỉnh Điện Biên.

Người đại diện: Ông Lò Văn T, sinh năm 1994 là Trưởng bản PN, xã ML, huyện MA tỉnh Điện Biên (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** UBND xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện: Ông Trần Quốc Q– Chủ tịch UBND xã Mường Lạn (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lù Văn M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Để có đất làm nương sắn cho gia đình Lù Văn M mang máy cưa xích cầm tay và dao phát đi lên khu rừng sản xuất tại tiểu khu 655, khoảnh 1, lô c thuộc địa phận bản PN, xã ML, huyện MA là khu vực rừng được giao cho Cộng đồng dân cư bản Pá Nặm quản lý và bảo vệ, có chi trả dịch vụ môi trường rừng rồi dùng cưa máy cắt và dùng dao chặt phá trong thời gian khoảng 05 ngày, từ ngày 15/01/2023 đến ngày 19/01/2023 thì cắt phá được toàn bộ cây gỗ và thực vật thường trên diện tích rừng 8.400 m², trữ lượng gỗ bị cắt phá là 15,557 m³, trong đó thiệt hại về gỗ 7,997 m³ và về củi là 7,560 m³ với tổng trị giá 10.981.670 đồng. Sau khi cắt xong diện tích rừng Lù Văn M để chờ cho cây gỗ và thực vật khô tự nhiên để đốt lấy đất làm nương sắn. Ngày 06/02/2023 UBND xã ML phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện Mường Ảng thực hiện kế hoạch kiểm tra rừng tại tiểu khu 655, khoảnh 1, lô c thuộc địa phận bản PN, xã ML, huyện MA thì phát hiện diện tích rừng bị cắt phá.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường ngày 07/02/2023 đã xác định: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 8.400 m², trữ lượng gỗ bị cắt phá là 15,557 m³, trong đó thiệt hại về gỗ 7,997 m³ và về củi là 7,560 m³.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KL-HĐĐGTS, ngày 03/4/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mường Ảng, xác định giá trị thiệt hại về lâm sản do Lù Văn M gây ra là 10.981.670 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 55/CT-VKS-MA ngày 27/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Lù Văn M về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lù Văn M. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Lù Văn M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của BLHS, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho nhà nước là 10.981.670 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*). Bị cáo đã nộp đủ số tiền 10.981.670 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*), theo Biên lai thu tiền số 0005181, ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

* **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy 01 cưa

máy màu cam sườn cửa máy có dán tem trên có chữ “HUSQVARNA 365”, cửa không có lưỡi cửa và xích cửa, cửa đã cũ hỏng không sử dụng được và 01 con giao phát (dạng dao quắm) có tổng chiều dài 80 cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 44 cm, đường kính 3,6cm; phần rộng lưỡi dao quắm là 8,6 cm; phần rộng của lưỡi dao 3,0 cm, dao đã cũ, không có giá trị.

*** Ân phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS là đúng người, đúng tội đúng pháp luật; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp toàn bộ thiệt hại về rừng cho nhà nước là 10.981.670 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*) vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo Biên lai thu tiền số 0005181, ngày 09/6/2023 nhằm mục đích khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội và cũng để bị cáo có điều kiện lao động sản xuất để nuôi các con. Đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST, án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Bị cáo Lù Văn M thừa nhận toàn bộ hành vi hủy hoại rừng như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng, bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng cũng như bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Ông Lò Văn T đại diện Cộng đồng dân cư bản PN, xã ML, huyện MA nhất trí việc tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của bị cáo gây ra, không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lù Văn M đã khai và công nhận: Từ ngày 15/01/2023 đến ngày 19/01/2023 Lù Văn M đã có hành vi dùng cửa máy xích cầm tay và dao phát cắt phá 8.400 m² diện tích rừng sản xuất tại tiểu khu 655, khoảnh 1, lô c thuộc địa phận bản PN, xã ML, huyện MA tỉnh

Điện Biên. Thiệt hại về trữ lượng gỗ bị cắt phá là 15,557 m³, trong đó thiệt hại về gỗ 7,997 m³ và về củi là 7,560 m³ với tổng trị giá 10.981.670 đồng. Mục đích bị cáo cắt phá diện tích rừng để lấy đất làm nương trồng sắn cho gia đình. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 55/CT-VKS-MA, ngày 27/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ phá rừng là vi phạm pháp luật. Song chỉ vì muốn lấy đất làm nương bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại lớn về môi trường sinh thái, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Mường Ảng. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: *“Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);”.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi hủy hoại rừng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến việc bảo vệ môi trường rừng, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, đến tuổi trưởng thành xây dựng gia đình với chị Lù Thị P và có 05 người con. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo nhận thức rõ việc phá rừng là vi phạm pháp luật, bị cáo vẫn cố ý phá rừng, mục đích của bị cáo lấy đất canh tác làm nương. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại về rừng cho nhà nước là 10.981.670 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*), đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 cho bị cáo. Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, nhưng vẫn cần phải giám sát giáo dục đối với bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 36 của BLHS xử phạt bị cáo hình phạt Cải tạo không giam giữ là đủ sức răn đe và cải tạo đối với bị cáo.

Bị cáo với nghề nghiệp làm nông nghiệp, ngoài ra không có thu nhập nào khác, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn về kinh tế; bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 243 BLHS và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo gây thiệt hại về rừng cho Nhà nước do đó căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho nhà nước là 10.981.670 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*). Bị cáo đã thực hiện xong việc bồi thường thiệt hại cho Nhà nước được thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0005181, ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

[6] Vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Hội đồng xét xử: Chấp nhận đề nghị của vị đại diện VKSND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đối với trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 15,557 m³ sau khi khám nghiệm hiện trường đã để lại diện tích rừng bị cắt phá, đồng thời giao cho Cộng đồng bản PN, xã ML, huyện MA tỉnh Điện Biên quản lý, bảo vệ. Tuy nhiên ngày 13/6/2023 tổ công tác liên ngành tiến hành kiểm tra xác minh thấy rằng số gỗ, củi này do tác động của thời tiết và khí hậu mưa nắng nhiều đã bị mục nát không còn giá trị cần để tự huỷ nên không đặt vấn đề xử lý.

[7] Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST bị cáo .

[8] Bị cáo, đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, đương sự qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lù Văn M phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 36; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lù Văn M 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho bị cáo.

Giao bị cáo Lù Văn M cho UBND xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước số tiền là 10.981.670 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*). Bị cáo đã thực hiện xong việc bồi thường thiệt hại cho Nhà nước được thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0005181, ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu để tiêu hủy 01 cửa máy màu cam sườn cửa máy có dán tem trên có chữ “HUSQVARNA 365”, cửa không có lưỡi cửa và xích cửa, cửa đã cũ hỏng không sử dụng được và 01 con giao phát (dạng dao quắm) có tổng chiều dài 80 cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 44 cm, đường kính 3,6cm; phần rộng lưỡi dao quắm là 8,6 cm; phần rộng của lưỡi dao 3,0 cm, dao đã cũ, không có giá trị.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 27/6/2023).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/7/2023)..

- Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/7/2023).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo
- Nguyên đơn dân sự
- Người có quyền lợi, NVLQ đến vụ án
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương